

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Toán – Tin học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
Mã ngành:	8140111
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Toán – Tin học

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục Toán học, có khả năng vận dụng hiệu quả kiến thức về Toán học, lí luận về phương pháp dạy môn Toán trong hoạt động dạy học và nghiên cứu chuyên sâu; có năng lực thích ứng cao, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong môi trường nghề nghiệp thay đổi; giải quyết những vấn đề và phát triển tri thức khoa học trong dạy học môn Toán

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên sau khi hoàn thành chương trình

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt và tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- Có năng lực phản biện khoa học, giải quyết sáng tạo, tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn, thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học-công nghệ.
- Vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng về Toán học và giáo dục trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu thuộc lĩnh vực chuyên ngành lí luận và phương pháp dạy học môn Toán.
- Thực hiện được các nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học môn Toán.
- Có khả năng học tiếp bậc học tiến sĩ.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI 1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn

Mã CDR	Mô tả
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
PI.3.3	<i>Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lý để tổ chức hoạt động chuyên môn hiệu quả</i>
PI.3.3.1	Xác định được các biện pháp để quản trị, quản lý hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Lựa chọn được các biện pháp khả thi để quản trị và quản lý hiệu quả hoạt động chuyên môn
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng thuộc chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học môn Toán để giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu trong bối cảnh cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên ngành hiệu quả	
PI.4.1	Vận dụng kiến thức khoa học liên ngành vào trong lĩnh vực LL và PPDH môn Toán.
PI.4.1.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu của triết học, lịch sử và các ngành khoa học khác vào hoạt động dạy học môn Toán
PI.4.1.2	Phân tích được cơ sở toán học và hiện đại trong các hoạt động dạy học môn Toán.
PI.4.2	Vận dụng các xu hướng dạy học hiện đại vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học môn Toán.
PI.4.2.1	Xây dựng và thực hiện các chiến lược dạy quả môn Toán hiệu quả
PI.4.2.2	Vận dụng lý luận về kiểm tra đánh giá vào quá trình đánh giá các hoạt động dạy học trong thực tế dạy học môn Toán
PI.4.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lý luận và PPDH môn Toán vào nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán.
PI.4.3.1	Mô hình hóa hóa kiến thức của người học và người dạy trong các hoạt động dạy học môn Toán.

Mã CDR	Mô tả
PI.4.3.2	Phân tích và giải thích một số hiện tượng diễn ra trong quá trình dạy học môn Toán
PI.4.3.3	Nghiên cứu và cải tiến các hoạt động dạy học môn Toán.
PI.4.4	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lý luận và PPDH môn Toán vào phát triển chương trình giáo dục môn Toán
PI.4.4.1	Phân tích được chương trình và các tài liệu dạy học phục vụ cho hoạt động dạy học môn Toán.
PI.4.4.2	So sánh và đánh giá được các chương trình và các tài liệu dạy học khác nhau.
PI.4.5	Vận dụng công nghệ thông tin trong LL và PPDH môn Toán
PI.4.5.1	Sử dụng các phần mềm tin học để phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin nhằm đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực LL và PPDH môn Toán;
PI.4.5.2	Xây dựng và phân tích các hoạt động dạy học trong môi trường tin học
PLO 5. Thực hiện được nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực LL và PPDH môn Toán hiệu quả	
PI.5.1	Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực LL và PPDH môn Toán.
PI.5.1.1	Phát hiện được các vấn đề cần nghiên cứu trong lý luận và thực tiễn dạy học môn Toán.
PI.5.1.2	Xây dựng, triển khai và cải tiến được phương pháp nghiên cứu phù hợp trong lĩnh vực LL và PPDH môn Toán cho vấn đề đã xác định.
PI.5.2	Trình bày được đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực LL và PPDH môn Toán theo quy chuẩn khoa học một cách hiệu quả.
PI.5.2.1	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học.
PI.5.2.2	Báo cáo được kết quả nghiên cứu theo quy chuẩn khoa học.

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán có thể làm việc ở những vị trí:

- Giáo viên dạy tại các trường phổ thông.

- Nghiên cứu viên tại các trường đại học, trung tâm giáo dục, viện nghiên cứu về khoa học giáo dục,...

- Nhân viên tại các cơ quan, tổ chức có sử dụng nguồn nhân lực nghiên cứu đổi mới sáng tạo và phương pháp dạy học nói chung, dạy học môn Toán nói riêng,...

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng học tiếp chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 61 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể:

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0

F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

1.8.1. Chương trình 1

Tên trường: Trường ĐHSP Hà Nội

Tên chương trình: Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán.

Link chương trình tham khảo:

<http://sdh.hnue.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao/thac-si>

1.8.2. Chương trình 2

Tên trường: Trường ĐHSP Đà Nẵng

Tên chương trình: Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán

Link chương trình tham khảo:

<https://daotao.ued.udn.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nam-2022/>

1.8.3. Chương trình 3

Tên trường: Đại học Kansas State University, Hoa Kỳ.

Tên chương trình: Curriculum and Instruction Master's Degree with a Mathematics Education Concentration.

Link chương trình tham khảo:

<https://online.k-state.edu/programs/curriculum-instruction-math-ed-masters>

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ **Về văn bằng**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ **Về năng lực ngoại ngữ:** Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ

tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Lý luận và phương pháp dạy học đại cương

- Môn cơ sở: Phương pháp dạy học môn Toán

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

Toán học, Toán cơ, Toán ứng dụng, Thống kê, Toán Tin.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1	MAHP0007	Lý luận dạy học đại cương	3	2	1
2	MATH1806	Phương pháp dạy học Đại số Giải tích	3	2	1
3	MATH1807	Phương pháp dạy học Hình học	2	1	1
4	MATH1808	Phương pháp dạy học toán ứng dụng	3	2	1
Tổng số tín chỉ			11	7	4

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo

dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	4	6.5%	4	6.5%	0	0%
Kiến thức chuyên ngành	30	49.2%	21	34.4%	9	14.8%
Chuyên đề nghiên cứu	12	19.7%	12	19.7%	0	0%
Luận văn tốt nghiệp	15	24.6%	15	24.6%	0	0%
Tổng	61	100%	52		9	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						Q T	T K
I	KIẾN THỨC CHUNG		4				
1	THTN 501	Triết học	3	3	0	0.4	0.6
2		Đạo đức nghiên cứu khoa học	1	1	0	0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		30				
	Học phần bắt buộc		21				

1	08TOAN2003	Thuyết nhân học: chuyển hóa sự phạm và quan hệ thể chế với một đối tượng tri thức	3	2	1	0.5	0.5
2	08TOAN2004	Lý thuyết tình huống trong giáo dục toán học	3	2	1	0.5	0.5
3	08TOAN2005	Môi trường tin học đối với việc dạy học toán	3	2	1	0.5	0.5
4	08TOAN2006	Đánh giá năng lực trong dạy học môn Toán	3	2	1	0.5	0.5
5	08TOAN2007	Mô hình hóa toán học	3	2	1	0.5	0.5
6	08TOAN2008	Một số phương pháp phân tích định lượng trong khoa học giáo dục	3	2	1	0.5	0.5
7	08TOAN2009	Phương pháp luận nghiên cứu trong giáo dục toán học	3	2	1	0.5	0.5
	Học phần tự chọn		9				
1	08TOAN2010	Hợp đồng didactic: một sự mô hình hoá quá trình dạy học	3	2	1	0.5	0.5
2	08TOAN2011	Học tập tích cực trong môn toán	3	2	1	0.5	0.5
3	08TOAN2012	Giao tiếp toán học	3	2	1	0.5	0.5
4	08TOAN2013	Mô hình hóa kiến thức của người học	3	2	1	0.5	0.5
5	08TOAN2014	Nghiên cứu lịch sử toán học từ quan điểm tri thức luận	3	2	1	0.5	0.5
6	08TOAN2015	Nghiên cứu thực hành dạy học của giáo viên	3	2	1	0.5	0.5
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
1	08TOAN3021	Chuyên đề 1	4	4	0	0.5	0.5
2	08TOAN3022	Chuyên đề 2	4	4	0	0.5	0.5
3	08TOAN3023	Chuyên đề 3	4	4	0	0.5	0.5
IV	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		15				

	08TOAN5024	Luận văn tốt nghiệp	15				
	Tổng số tín chỉ		61	61	0		

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 19 TC, bao gồm 19 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
	Triết học	3
	Đạo đức nghiên cứu khoa học	1
08TOAN2003	Thuyết nhân học: chuyển hóa sự phạm và quan hệ thể chế với một đối tượng tri thức	3
08TOAN2004	Lý thuyết tình huống trong giáo dục toán học	3
08TOAN2005	Môi trường tin học đối với việc dạy học toán	3
08TOAN2006	Đánh giá năng lực trong dạy học môn Toán	3
08TOAN2007	Mô hình hóa toán học	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 18 tín chỉ, bao gồm 6 tín chỉ bắt buộc và 12 tín chỉ tự chọn)		
08TOAN2008	Một số phương pháp phân tích định lượng trong khoa học giáo dục	3
08TOAN2009	Phương pháp luận nghiên cứu trong giáo dục toán học	3
08TOAN2010	Hợp đồng didactic : một sự mô hình hoá quá trình dạy học	3
08TOAN2011	Học tập tích cực trong môn toán	3
08TOAN2012	Giao tiếp toán học	3
08TOAN2013	Mô hình hóa kiến thức của người học	3
08TOAN2014	Nghiên cứu lịch sử toán học từ quan điểm tri thức luận	3
08TOAN2015	Nghiên cứu thực hành dạy học của giáo viên	3
Học kì 2 (Tổng cộng: 12 tín chỉ, bao gồm 12 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
08TOAN3021	Chuyên đề 1	4
08TOAN3022	Chuyên đề 2	4
08TOAN3023	Chuyên đề 3	4
Học kì 2 (Tổng cộng: 15 tín chỉ, bao gồm 15 tín chỉ bắt buộc và 0 tín chỉ tự chọn)		
	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. Triết học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08TOAN1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Thuyết nhân học: chuyển hóa sư phạm và quan hệ thể chế với một đối tượng tri thức

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2003
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần song hành: 08TOAN2004

- Nội dung: Học phần gồm có 4 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Trong học phần, người học được trang bị một lý thuyết trọng yếu của trường phái Didactic Toán:

Thuyết nhân học. Bằng việc nhìn tri thức trong sự chuyển hoá sự phạm, người học sẽ thấy được sự chênh lệch của một tri thức toán khi hiện diện trong cộng đồng các nhà Toán học và trong dạy học (đáp ứng PI4.4-Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán vào phát triển chương trình giáo dục môn Toán). Trong đó, người học cần hiểu được cơ sở của các tri thức toán được chọn trong chương trình (đáp ứng PI4.1- Vận dụng kiến thức khoa học liên ngành vào trong lĩnh vực Lí luận và Phương pháp dạy học môn Toán). Tiếp đó, người học có thể triển khai các nghiên cứu thể chế (đáp ứng PI5.1-Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học mang tính nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán), với việc làm rõ được các ràng buộc của hệ thống dạy học đang tác động lên việc dạy và học toán (đáp ứng PI4.3-Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán vào nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán) và từ đó, đưa ra được những cải tiến hợp lý (đáp ứng PI3.1- Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn).

4. Lý thuyết tình huống trong giáo dục toán học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2004
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần song hành: 08TOAN2003

- Nội dung: Học phần trang bị các kiến thức về mô hình hóa việc dạy học toán theo lí thuyết tình huống của Brousseau (2002) bằng cách quan tâm đến các đối tượng trong một hệ thống dạy học: tri thức, người học, người dạy và môi trường cho phép việc dạy học diễn ra. Với mục tiêu là nghiên cứu những điều kiện tốt nhất cho phép người học lĩnh hội thực sự tri thức cần dạy. Mục tiêu này góp phần vào chuẩn đầu đầu ra PI 2.1 (Phản biện các vấn đề một cách khoa học) khi học viên tham chiếu đề phản biện những việc dạy học nhằm vào điểm số của học sinh hơn là việc hiểu và vận dụng được tri thức. Các công cụ lí thuyết này cung cấp một phương pháp xây dựng, phân tích (trước thực nghiệm và sau thực nghiệm) các tình huống dạy học toán. Nhờ đó giúp học viên có thể củng cố và hoàn thiện chuẩn đầu ra PI 2.2 (Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo); PI 3.1 (Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn); PI 3.2 (Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn) và PI 3.3 (Vận dụng các kiến thức về quản trị và quản lí để tổ chức hoạt

động chuyên môn hiệu quả). Hơn nữa, học viên có thể vận dụng các kiến thức này vào thiết kế, thực nghiệm và cải tiến các tình huống dạy học toán ở trường phổ thông để hoàn thiện chuẩn đầu ra PI 4.3 (Vận dụng kiến thức chuyên ngành LL và PPDH môn Toán vào nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán).

5. Môi trường tin học đối với việc dạy học toán

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08TOAN2005

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần học trước: 08TOAN2003, 08TOAN2004

- Nội dung: Học phần gồm có 3 phần lý thuyết và 5 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức và góc nhìn khoa học về một môi trường học tập được tin học hóa cho việc lĩnh hội một tri thức toán và tiến trình công cụ hóa ở người học. Từ đó, học viên có thể đánh giá được các ràng buộc và tiềm năng của một công cụ tin học, vận dụng được công nghệ thông tin một cách thích đáng trong dạy học Toán (đáp ứng PI4.5-Vận dụng công nghệ thông tin trong Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán), cũng như có khả năng tiến hành các nghiên cứu nhằm giúp người học tự kiến tạo tri thức toán trong môi trường tin học (đáp ứng PI5.1-Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học mang tính nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán).

6. Đánh giá năng lực trong dạy học môn Toán

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08TOAN2006

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004

- Nội dung: Học phần bao gồm 4 phần lý thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học cơ sở lý luận về đánh giá năng lực, mối quan hệ mật thiết giữa đánh giá và dạy học phát triển năng lực, các phương pháp và công cụ đánh giá năng lực cũng như thực hành tạo ra các bài kiểm tra, đánh giá năng lực trong dạy học môn Toán. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được lý luận về kiểm tra đánh giá vào quá trình đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học trong thực tế dạy học môn Toán.

7. Mô hình hóa toán học

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08TOAN2007

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần học trước/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004/08TOAN2006

- Nội dung: Học phần bao gồm 3 phần lý thuyết và 3 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội một số khái niệm liên quan đến vấn đề dạy học liên môn, dạy học toán gắn với thực tiễn, mô hình hóa toán học, quá trình mô hình hóa toán học, năng lực mô hình hóa toán học cũng như những lợi ích và khó khăn của việc dạy học mô hình hóa toán học. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng những cơ sở lý thuyết này vào việc phân tích và thiết kế các tình huống dạy học nhằm phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh. Từ đó, vận dụng kiến thức khoa học liên ngành và các xu hướng dạy học hiện đại vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn dạy học môn Toán.

8. Một số phương pháp phân tích định lượng trong khoa học giáo dục

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08TOAN2008

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2009

- Nội dung: Học phần trang bị các kiến thức về kiểm định giả thuyết thống kê cho nhiều tổng thể và một số công cụ phân tích hồi quy hay dùng trong nghiên cứu về giáo dục, đặc biệt là giáo dục toán học. Những kiến thức này cần thiết cho việc kiểm định các giả thuyết định lượng trong giáo dục nhằm kết luận về hiệu quả của các giải pháp sư phạm và phân tích, dự báo định lượng về thành tích học tập của học sinh. Những kết quả định lượng giúp học viên về chuẩn đầu ra PI 2.1 (Phản biện các vấn đề một cách khoa học) khi xem xét các kết luận đã có với số liệu được phân tích; góp phần vào việc đề xuất các giải quyết vấn đề liên quan đến PI 2.2 (Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo) và PI 3.1 (Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn). Dựa trên các kết quả định lượng, học viên có thể đề xuất các giải pháp về quản trị và quản lý tổ chuyên môn (PI 3.3), cũng như hỗ trợ đồng nghiệp cải thiện chuyên môn (PI 3.2). Hơn nữa, học viên còn học cách sử dụng các phần mềm

phổ biến trong phân tích định lượng như SPSS và Eviews và góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra PI 5.1 (Thể hiện tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn một cách sáng tạo trong hoạt động dạy học toán ở các cấp học). Cuối cùng, những phân tích định lượng góp phần vào việc xác nhận hiệu quả của những giải pháp sư phạm hướng đến củng cố chuẩn đầu PI 5.2 (Tổ chức thuận thực hoạt động dạy học toán phát triển phẩm chất năng lực người học).

9. Phương pháp luận nghiên cứu trong giáo dục toán học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2009
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008
- Nội dung: Học phần bao gồm 5 phần lý thuyết và 4 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các kiến thức khái quát về nghiên cứu giáo dục, các bước xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, cách thức tiến hành thực nghiệm và thu thập dữ liệu, phương pháp đồ án dạy học. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được các kiến thức cơ bản của chuyên ngành để phản biện các vấn đề một cách khoa học, biết cách thực hiện một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục toán và trình bày được đề tài nghiên cứu theo quy chuẩn khoa học một cách hiệu quả, đề xuất được các vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

10. Hợp đồng didactic : một sự mô hình hoá quá trình dạy học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2010
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009
- Nội dung: Học phần gồm có 4 phần lý thuyết và 5 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Trong học phần, người học biết đến khái niệm hợp đồng didactic. Hợp đồng didactic là một cách thức để mô hình hóa quá trình dạy học, cho phép người nghiên cứu thấy cách mà một tri

thức bị chi phối cũng như sự tiến triển (hình thành, thay đổi, phá vỡ, tái lập) của tri thức trong quá trình tương lượng giữa người dạy và người học (đáp ứng PI4.2-Vận dụng các xu hướng dạy học hiện đại vào nghiên cứu lí luận và thực tiễn dạy học môn Toán). Mặt khác, nó cũng cho phép người học vận dụng Thuyết nhân học và Lý thuyết tình huống để lý giải được các ứng xử của cả người dạy và người học trong lớp học (đáp ứng PI4.3-Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học môn Toán vào nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán Học phần sẽ giúp người học có khả năng tiến hành các nghiên cứu khám phá các quy tắc ngầm ẩn của hợp đồng didactic (đáp ứng PI5.1-Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học mang tính nghiên cứu trong lĩnh vực Lí luận và phương pháp dạy học môn Toán).

11. Học tập tích cực trong môn toán

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2011
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009
- Nội dung: Học phần bao gồm 3 phần lý thuyết và 3 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học lí luận về học tập tích cực, dạy học tích cực. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được các xu hướng dạy học và học tập hiện đại vào nghiên cứu lí luận và thực tiễn dạy học môn Toán, vận dụng được các công cụ của Lí luận và PPDH môn Toán và các công cụ lí luận của Didactic toán để nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán và thiết kế được các hoạt động học tập tích cực cho học sinh.

12. Giao tiếp toán học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2012
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009
- Nội dung: Học phần nhằm cung cấp một số yếu tố lí thuyết và thực hành cần thiết nhằm thúc đẩy và đánh giá sự giao tiếp bằng lời và văn bản trong dạy học toán. Đặc biệt, học phần quan tâm đến hình thức tranh luận khoa học như một công cụ thích

hợp để phát triển năng lực giao tiếp toán học; cùng với vai trò của biểu diễn toán học như một thành tố của năng lực giao tiếp toán học. Xu hướng dạy học thông qua tranh luận khoa học trong dạy học toán còn tương đối mới trong giáo dục toán học ở Việt Nam, đặc biệt khi cạnh tranh luận bằng lời nói của học sinh. Điều này góp phần vào chuẩn đầu ra PI 4.2 (Vận dụng các xu hướng dạy học hiện đại vào nghiên cứu lí luận và thực tiễn dạy học môn Toán).

13. Mô hình hóa kiến thức của người học

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2013
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009
- Nội dung: Học phần này trình bày về vấn đề mô hình hóa kiến thức của người học từ những cách tiếp cận lý thuyết khác nhau như: Khung lý thuyết mô tả nhận thức người học, bản chất kép quá trình – đối tượng của khái niệm, đa biểu diễn của khái niệm, mô hình kiến thức của người học, ... Thông qua việc tìm hiểu các công cụ lý thuyết vừa đề cập, người học được phát triển năng lực nghiên cứu lí luận cũng như được thực hành phân tích và xây dựng các khung lý thuyết giúp mô tả kiến thức người học về các đối tượng tri thức cụ thể. Bên cạnh đó, người học còn có cơ hội tìm hiểu việc vận dụng kết quả của quá trình mô hình hóa kiến thức học sinh trong một số hướng nghiên cứu giáo dục khác nhau.

14. Nghiên cứu lịch sử toán học từ quan điểm tri thức luận

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08TOAN2014
- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*
- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009
- Nội dung: Học phần nhằm vào việc phân tích một quá trình phát triển của một giai đoạn lịch sử Toán học nhằm làm rõ những đặc trưng khoa học luận của một số tri thức toán học được giảng dạy ở phổ thông. Học phần giúp người học hiểu rõ một số vấn đề của Toán học trong lịch sử và cách giải quyết các vấn đề đó. Nắm được những đặc trưng khoa học luận của một số đối tượng tri thức cần thiết cho việc nghiên cứu

các vấn đề của Didactic Toán. Thông qua học phần, người học có kỹ năng phân tích lịch sử toán học liên quan đến một đối tượng tri thức cụ thể và vận dụng được kết quả nghiên cứu này vào việc phân tích các sách giáo khoa.

15. Nghiên cứu thực hành dạy học của giáo viên

- Số tín chỉ: 3

- Mã học phần: 08TOAN2015

- Khối học phần: *Kiến thức chuyên ngành*

- Học phần tiên quyết/song hành: 08TOAN2003, 08TOAN2004, 08TOAN2005, 08TOAN2006, 08TOAN2007/08TOAN2008, 08TOAN2009

- Nội dung: Học phần gồm có 5 phần lý thuyết và 4 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Trong học phần, người học tiếp tục phát triển việc sử dụng Thuyết nhân học, cụ thể là chuyển hóa sự phạm và tổ chức tri thức, trong việc nghiên cứu các thực hành trong giờ học của giáo viên (đáp ứng PI4.3-Vận dụng kiến thức chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán vào nghiên cứu hoạt động dạy học môn Toán). Thông qua các bài thực hành, người học có khả năng mô tả tổ chức dạy học thông qua “sáu thời điểm nghiên cứu” và đánh giá được tổ chức toán học được xây dựng trong giờ học. Từ đó, người học có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến thực hành dạy học của giáo viên (đáp ứng PI5.1-Có khả năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học mang tính nghiên cứu trong lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán).

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Tăng Minh Dũng	TS	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Đào tạo giáo viên toán - Tích hợp công nghệ thông tin và truyền	- Hợp đồng didactic : một sự mô hình hoá quá trình dạy học - Môi trường tin học đối với việc dạy học toán

				thông trong Giáo dục Toán học	- Cải tiến kế hoạch bài dạy dựa trên nghiên cứu bài học
2	Ngô Minh Đức	TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Dạy học tích hợp, liên môn giữa Toán và các ngành khoa học, Dạy học Giải tích ở trường phổ thông	- Nghiên cứu thực hành dạy học của giáo viên - Mô hình hóa kiến thức của người học - Nghiên cứu lịch sử toán học từ quan điểm tri thức luận
3	Vũ Như Thư Hương	TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Giáo dục STEM - Tích hợp công nghệ thông tin và truyền thông trong Giáo dục Toán học	- Thuyết nhân học: chuyển hóa sự phạm và quan hệ thể chế với một đối tượng tri thức - Dạy học tích cực trong môn Toán
4	Nguyễn Thị Nga	TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Mô hình hóa toán học - Đánh giá trong giáo dục môn toán - Ứng dụng công nghệ	- Đánh giá năng lực trong dạy học môn Toán - Phương pháp luận nghiên cứu trong giáo dục toán học - Mô hình hóa toán học

				thông tin trong dạy học môn toán	
5	Lê Thái Bảo Thiên Trung	PGS, TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Đào tạo giáo viên toán - Phương pháp dạy học Đại số, Giải tích, Thống kê và Xác suất	- Lý thuyết tình huống trong giáo dục toán học - Một số phương pháp phân tích định lượng trong khoa học giáo dục - Giao tiếp toán học

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Lê Văn tiến	PGS, TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Nghiên cứu tri thức luận -Phương pháp dạy học Toán	- Lý thuyết tình huống trong giáo dục toán học - Phương pháp luận nghiên cứu trong giáo dục toán học
2	Lê Thị Hoài Châu	PGS, TS	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	- Nghiên cứu tri thức luận -Phương pháp dạy học Toán	- Thuyết nhân học: chuyển hóa sự phạm và quan hệ thể chế với một đối tượng tri thức - Nghiên cứu thực hành dạy học của giáo viên

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GD D, GD 18, GD 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.

- Tất cả các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.

- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.

- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022
--	--

	HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	--